

Bản án số: 74/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 12-9-2018.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phùng

2. Bà Võ Thị Bé Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 119/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Hồng N, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp H2, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Trường L, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp T2, xã T, huyện Mỏ, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chị Dương Thị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước chị và anh Trần Trường L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M1(nay là huyện M), vào năm 2005. Sau khi kết hôn anh chị sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về kinh tế dẫn đến anh chị thường hay cự cãi nhau, anh Lâm thường đánh đập chị. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có gặp gỡ nhau để bàn bạc hàn gắn tình cảm. Nay chị xin được ly hôn với anh L vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Trần Tuyết N1, sinh ngày 12/3/2005, hiện đang sống với anh L. Nay ly hôn con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi. Trường hợp anh L không đồng ý nuôi con thì chị sẽ nuôi và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, nếu anh L tự nguyện cấp dưỡng thì chị đồng ý. Chị hiện làm tại Công ty may, thu nhập mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn anh Trần Trường L trình bày:

Anh thống nhất phần trình bày của chị N về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mất hạnh phúc không đúng như lời trình bày của chị N. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do chị N đi làm có quen với người đàn ông khác, không chung thủy với anh nhưng anh không có chứng cứ chứng minh. Anh thừa nhận là anh có thường xuyên nhậu nhưng nhậu mỗi lần ít, vợ chồng có cự cãi nhau và anh có đánh chị N. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Trần Tuyết N1, sinh ngày 12/3/2005, hiện đang sống với anh. Nay ly hôn anh giao cháu N1 cho chị N trực tiếp nuôi, anh không đồng ý nuôi cháu N1 vì trong thời gian chung sống với anh cháu N1 không nghe lời anh dạy dỗ. Anh cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 08/7/2018, cháu Trần Tuyết N1 trình bày như sau:

Nếu cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng sống với cha. Theo cháu, cha có đầy đủ điều kiện đảm bảo nhu cầu học tập, vật chất và tinh thần cho cháu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Hồng N; Về nuôi con chung: Chị Dương Thị Hồng N trực tiếp nuôi con chung tên Trần Tuyết N1, sinh ngày 12/3/2005; anh Trần Trường L có nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi; Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Dương Thị Hồng N và anh Trần Trường L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2017 thì bắt đầu mất hạnh phúc nghiêm trọng. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh L. Anh L cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do chị N đi làm có quen với người đàn ông khác, không chung thủy với anh nhưng anh không có chứng cứ chứng minh và chị N không thừa nhận. Tuy nhiên, anh lại thừa nhận anh có thường xuyên nhậu, vợ chồng có cự cãi nhau và anh có đánh chị N. Qua xác minh ở chính quyền địa phương và gia đình anh L có cơ sở xác định nguyên nhân mất hạnh phúc của anh L, chị N là do trong cuộc sống anh chị có nhiều bất đồng quan điểm, mâu thuẫn dẫn đến thường hay cự cãi nhau và anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L không đồng ý ly hôn và mong muốn được hàn gắn, đoàn tụ với chị N nhưng bản thân anh không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với chị N và trong thời gian sống ly thân anh chị sống bỏ mặc, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ.

[2] *Về nuôi con chung*: Chị N và anh L có một con chung tên Trần Tuyết N1, sinh ngày 12/3/2005, hiện đang sống với anh L. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 08/7/2018, cháu N1 có nguyện vọng được sống với anh L nhưng tại phiên tòa anh L không đồng ý tiếp tục nuôi cháu N1. Chị N xác định nếu anh L không đồng ý nuôi cháu N1 thì chị N trực tiếp nuôi cháu N1. Xét thấy, chị N hiện tại có nghề nghiệp ổn định đủ điều kiện đảm bảo để nuôi cháu N1 và chị N đồng ý nuôi cháu N1 nên Tòa giao cháu N1 cho chị N trực tiếp nuôi là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nhưng anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì chị đồng ý. Vì vậy, nhằm để đảm bảo quyền lợi cho cháu N nên ghi nhận việc anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

[3] *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập

[4] *Về án phí*:

Chị Dương Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Trần Trường L phải chịu án phí cấp dưỡng.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Hồng N.

Chị Dương Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Trường L.

2. *Về nuôi con chung*: Chị Dương Thị Hồng N trực tiếp nuôi con chung tên Trần Tuyết N1, sinh ngày 12/3/2005 và anh Trần Trường L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu Ngân tròn 18 tuổi. Hình thức cấp dưỡng: Mỗi tháng cấp 01 lần. Buộc anh Trần Trường L có nghĩa vụ giao con chung Trần Tuyết N1 cho chị Dương Thị Hồng N trực tiếp nuôi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị N, anh L Toà án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. *Về chia tài sản*: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

4. *Về án phí*:

Chị Dương Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số ***** ngày **/**/***** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên không phải nộp thêm.

Anh Trần Trường L phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng .

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T (59, 01/2005)
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang